

**BTC CUỘC THI CẨM HOA HANDMADE
NĂM HỌC 2024-2025****BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP**
Cuộc thi Cẩm hoa handmade năm học 2024-2025

STT	Đội thi	Điểm Giám khảo 1 (Đã bao gồm điểm trừ vi phạm thể lệ)	Điểm Giám khảo 2 (Đã bao gồm điểm trừ vi phạm thể lệ)	ĐTB đánh giá	Điểm trừ	Điểm trung bình chính thức	Xếp hạng
1	10A01	70	70	70		70,0	42
2	10A02	70	70	70		70,0	42
3	10A03	75	75	75		75,0	27
4	10A04	70	70	70		70,0	42
5	10A05	70	70	70		70,0	42
6	10A06	50	50	50		50,0	82
7	10A07	70	70	70		70,0	42
8	10A08	75	75	75		75,0	27
9	10A09	60	60	60		60,0	72
10	10A10	75	75	75		75,0	27
11	10A11	65	65	65		65,0	63
12	10A12	70	70	70		70,0	42
13	10A13	80	80	80		80,0	7
14	10A14	60	60	60		60,0	72
15	10A15	80	80	80		80,0	7
16	10A16	60	60	60		60,0	72
17	10D01	70	70	70		70,0	42
18	10D02	60	60	60		60,0	72
19	10D03	75	75	75		75,0	27
20	10D04	75	75	75		75,0	27
21	10D05	85	85	85		85,0	4
22	10D06	70	70	70		70,0	42
23	10D07	70	70	70		70,0	42
24	10D08	75	75	75		75,0	27
25	10D09	75	75	75		75,0	27
26	10N	70	70	70		70,0	42
27	10P	65	65	65		65,0	63
28	11A01	80	80	80		80,0	7
29	11A02	75	75	75		75,0	27

STT	Đội thi	Điểm Giám khảo 1 (Đã bao gồm điểm trừ vi phạm thể lệ)	Điểm Giám khảo 2 (Đã bao gồm điểm trừ vi phạm thể lệ)	ĐTB đánh giá	Điểm trừ	Điểm trung bình chính thức	Xếp hạng
30	11A03	80	80	80		80,0	7
31	11A04	75	75	75		75,0	27
32	11A05	100	100	100		100,0	1
33	11A06	80	80	80		80,0	7
34	11A07	75	75	75		75,0	27
35	11A08	60	60	60		60,0	72
36	11A09	70	70	70		70,0	42
37	11A10	65	65	65		65,0	63
38	11A11	80	80	80		80,0	7
39	11A12	60	60	60		60,0	72
40	11A13	75	75	75		75,0	27
41	11A14	70	70	70		70,0	42
42	11A15	70	70	70		70,0	42
43	11A16	70	70	70		70,0	42
44	11A17	80	80	80		80,0	7
45	11D01	50	50	50		50,0	82
46	11D02	70	70	70		70,0	42
47	11D03	65	65	65		65,0	63
48	11D04	80	80	80		80,0	7
49	11D05	80	80	80		80,0	7
50	11D06	75	75	75		75,0	27
51	11D07	70	70	70		70,0	42
52	11D08	85	85	85		85,0	4
53	11N	70	70	70		70,0	42
54	11P	80	80	80		80,0	7
55	12A01	80	80	80		80,0	7
56	12A02	80	80	80		80,0	7
57	12A03	65	65	65		65,0	63
58	12A04	60	60	60		60,0	72
59	12A05	70	70	70		70,0	42
60	12A06	90	90	90		90,0	3
61	12A07	75	75	75		75,0	27
62	12A08	80	80	80		80,0	7
63	12A09	85	85	85		85,0	4
64	12A10	0	0	0		0,0	84
65	12A11	65	65	65		65,0	63
66	12A12	65	65	65		65,0	63

STT	Đội thi	Điểm Giám khảo 1 (Đã bao gồm điểm trừ vi phạm thể lệ)	Điểm Giám khảo 2 (Đã bao gồm điểm trừ vi phạm thể lệ)	ĐTB đánh giá	Điểm trừ	Điểm trung bình chính thức	Xếp hạng
67	12A13	70	70	70		70,0	42
68	12A14	75	75	75		75,0	27
69	12A15	75	75	75		75,0	27
70	12A16	80	80	80		80,0	7
71	12A17	80	80	80		80,0	7
72	12D01	80	80	80		80,0	7
73	12D02	60	60	60		60,0	72
74	12D03	60	60	60		60,0	72
75	12D04	65	65	65		65,0	63
76	12D05	80	80	80		80,0	7
77	12D06	65	65	65		65,0	63
78	12D07	80	80	80		80,0	7
79	12D08	70	70	70		70,0	42
80	12K01	60	60	60		60,0	72
81	12K02	80	80	80		80,0	7
82	12K03	95	95	95		95,0	2
83	12N	70	70	70		70,0	42
84	12P	80	80	80		80,0	7

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

Lê Ngọc Khánh An

Í MINH

[illegible]

Ghi chú

Văng

Ghi chú

HỨC

n